

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DSST
Ngày 08/9/2021
V/v: “Tranh chấp HĐ vay TS”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Đức Lâm
2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Huệ - Thư ký TAND huyện Hiệp Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-DS ngày 30/3/2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-DS ngày 30/7/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Khắc N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Bái Thượng, xã Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

2. Bị đơn: - Ông Đặng Văn Ng, sinh năm 1976

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Khánh, xã Lương Phong, Hiệp Hòa, Bắc Giang (đều vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Bái Thượng, xã Đoan Bái, Hiệp Hòa, Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/01/2021, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Trịnh Khắc N trình bày: Giữa anh và vợ chồng ông Đặng Văn Ng – bà Nguyễn Thị X có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 10/3/2019 âm lịch, vợ chồng ông Ng có vay của anh số tiền là 100.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, hẹn đến ngày 20/3/2019 âm lịch (tức 10 ngày sau) sẽ trả; Hai bên có viết Giấy biên nhận vay tiền, bà X là người trực tiếp ký vay,

hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ, vợ chồng ông Ng – bà X không thực hiện trả nợ cho anh. Cho đến nay, mặc dù anh đã đến đòi nhiều lần nhưng không có kết quả, vì vậy, anh khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Ng, bà X trả cho anh số tiền gốc đã vay là 100.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến nay.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2021, bị đơn là ông Đặng Văn Ng thừa nhận việc vợ ông là bà Nguyễn Thị X có vay tiền của anh N để vợ chồng đầu tư sản xuất H đốt nhưng ông không biết rõ số tiền vay, thời hạn vay cũng như lãi suất vay vì chỉ do bà X ký vay, ông không có mặt. Sau này anh N, bà X nói lại thì ông mới được biết. Nay anh N đòi nợ, ông nhất trí trả tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật nhưng xin trả dần, hiện tại kinh tế khó khăn nên chưa có để trả.

Đồng bị đơn là bà Nguyễn Thị X không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 22/4/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H (vợ anh Trịnh Khắc N) thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của anh Trịnh Khắc N đưa ra.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trịnh Khắc N giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc, sửa đổi 1 phần về yêu cầu tính lãi, cụ thể là do trong Giấy vay tiền không ghi rõ thỏa thuận về lãi suất nên anh không yêu cầu tính lãi trong hạn, chỉ yêu cầu tính lãi từ thời điểm vợ chồng ông Ng vi phạm thỏa thuận, không trả nợ cho anh khi đến hạn từ ngày 20/3/2019 âm lịch đến nay. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên Tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trịnh Khắc N. Buộc ông Đặng Văn Ng và bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền gốc là 100.000.000 đồng và số tiền lãi là 21.735.000 đồng. Tổng số tiền phải trả là 123.735.000 đồng.

- Về án phí: Buộc ông Ng và bà X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000574 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là ông Đặng Văn Ng, bà Nguyễn Thị X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị H vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lần thứ 2 nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối họ.

[2]. Đối với yêu cầu của anh Trịnh Khắc N về việc đòi vợ chồng ông Đặng Văn Ng – bà Nguyễn Thị X trả số nợ gốc đã vay là 100.000.000đ: Căn cứ đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo là bản gốc giấy biên nhận vay tiền mà phía nguyên đơn đưa ra, các tài liệu do Tòa án thu thập bằng biện pháp lấy lời khai của những người làm chứng, đồng thời được ông Đặng Văn Ng thừa nhận, có đủ cơ sở để xác định: Ngày 10/3/2019 âm Lịch, bà Nguyễn Thị X đã vay của anh Trịnh khắc N số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 10 ngày, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng. Tuy nhiên đến hạn trả nợ và cho đến nay, bà X không thực hiện việc trả nợ mặc dù anh N đã đòi nhiều lần. Việc bà X không trả nợ cho vợ chồng anh N khi đến hạn theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, đây chính là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của bà X đối với vợ chồng anh N nên việc anh N khởi kiện đòi số nợ gốc 100.000.000đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 275, 463; 466 của Bộ luật dân sự.

Về lãi suất: Theo hợp đồng đôi bên ký kết thì không thể hiện về lãi suất vay, mặc dù anh N có trình bày về việc thỏa thuận lãi suất 1,5%/ tháng nhưng không có căn cứ chứng minh, phía bị đơn không trình bày gì về lãi suất nên cần xác định đây là trường hợp vay không có lãi suất. Tuy nhiên, do bà X không thực hiện nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn nên phải chịu lãi suất kể từ thời điểm chậm trả, trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, cụ thể là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Do đó, yêu cầu của anh N về lãi suất được chấp nhận, kể từ ngày bà X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (20/3/2019 âm lịch, tức 24/4/2019 dương lịch), tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2 năm 4 tháng 15 ngày, tương đương với số tiền lãi là 23.735.000đ.

[3]. Về nghĩa vụ liên đới của ông Đặng Văn Ng: Tuy việc vay tiền chỉ do một mình bà X thực hiện nhưng ông Ng thừa nhận khoản vay nhằm mục đích chung của vợ chồng là kinh doanh sản xuất H đốt. Do đó, có đủ cơ sở buộc ông Ng phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trong việc trả nợ cho vợ chồng anh N theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự và các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình (tổng số tiền gốc và tiền lãi suất như tính toán nêu trên là 123.735.000đ).

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là vợ chồng ông Ng – bà X phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Trương Khắc N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Khắc N: Buộc vợ chồng ông Đặng Văn Ng – bà Nguyễn Thị X phải liên đới trả cho vợ chồng anh Trương Khắc N – chị Trần Thị H số tiền gốc là 100.000.000đ, tiền lãi suất là 23.735.000đ, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 123.735.000đ (một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Vợ chồng ông Đặng Văn Ng – Bà Nguyễn Thị X phải liên đới nộp 6.186.700.000đ (sáu triệu một trăm tám mươi sáu nghìn bảy trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (mỗi người nộp 3.093.300đ).

Trả lại cho anh Trương Khắc N số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000574 ngày 30/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS Hiệp Hòa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh Hà